

Số: 11/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại
khoáng sản áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25
tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã
được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31
tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định
số 82/2023/NĐ-CP Ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 3598/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 665/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, đơn vị tính phí và quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Mức thu và đơn vị tính phí

1. Đối tượng chịu phí

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là hoạt động khai thác 09 loại khoáng sản theo Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

2. Tổ chức thu phí

Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Người nộp phí

Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị quyết này bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản.

b) Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản nhỏ, lẻ bán cho tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua và tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua cam kết chấp thuận bằng văn bản về việc kê khai, nộp phí thay cho tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp phí.

4. Mức thu và đơn vị tính phí

a) Mức thu và đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (Đồng)
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Sỏi	m ³	9.000
3	Cát vàng	m ³	7.500
4	Các loại cát khác	m ³	6.000
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500
6	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000
7	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
8	Than khác (trừ các loại than antraxit hầm lò; than antraxit lộ thiên; than nâu, than mỡ)	Tấn	10.000
9	Cao lanh	Tấn	5.800

b) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng.

5. Quản lý và sử dụng phí

Toàn bộ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được nộp vào ngân sách Thành phố, được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Không trích tỉ lệ để lại cho tổ chức thu phí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố; đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật có liên quan về hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ mười bảy thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐĐBQH và HĐND TP.HCM: CVP, PVP;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV;
- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành TP.HCM;
- Thường trực HĐND thành phố Thủ Đức và các huyện;
- UBND, UBMTTQVN thành phố Thủ Đức và các quận, huyện;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (BKTNS-Tr).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ